TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ B
TỈNH T

Bản án số:11/2021/KDTM - ST
Ngày 14 -9- 2021
V/v: "Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ thanh toán".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Tống Thị Hà
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Đình Hồng
Bà Nguyễn Thị Quyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Dung, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Liên - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B tiến hành xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số:40/2020/ KDTM ngày 09/11/2021 về việc "Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ thanh toán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:11/QĐXX-ST ngày 27/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số:58/2021/QĐST-KDTM ngày 12/8/2021, quyết định hoãn phiên tòa số:65/2021/QĐST-KDTM ngày 25/8/2021 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Công ty TNHH Hunter Douglas V

Địa chỉ: Phòng 3A, tầng 6, tòa nhà Center Point, số 106 Nguyễn Văn T, phường 08, quận P, TP. Hồ Chí M.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Minh T; chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: ÔNg Nguyễn Ngọc P - sinh năm: 1976

Địa chỉ: Công ty Luật TNHH Hà Việt, tầng 25 tòa nhà Icon4, số 243A Đê La Thành, phường Láng T, quận Đ, TP. H.

(Theo Giấy ủy quyền số 102/GUQ-HDVN ngày 02/10/2020)(Vắng mặt có lý do)

- ***Bị đơn***: Công ty cổ phần L

Địa chỉ: Số 179 Trần Phú, phường B, thị xã B, tỉnh T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân T - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị P - Chức vụ: Kế toán trưởng.

Địa chỉ: Số 179 Trần Phú, phường B, thị xã B, tỉnh T

(Theo Giấy ủy quyền số 298/CT/GUQ ngày 17/11/2020) - (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 04/02/2021 Nguyên đơn và bị đơn ký hợp đồng kinh tế số:04/Lilama5- Hunter DVN. Theo hợp đồng bị đơn đồng ý giao và nguyên đơn đồng ý nhận trọn gói việc sản xuất, cung cấp, kiểm tra, thí nghiệm, thử nghiệm hướng dẫn lắp đặt toàn bộ các loại tấm nhôm, nan nhôm và phụ kiện đồng bộ kèm theo(Hệ khung xương, bu lông, ốc vít, keo dán…) đủ cho đơn vị thi công lắp đặt hoàn thiện mái phẳng gói thầu XL- 02 dự án công trình Nhà Quốc Hội do Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành- Bộ xây dựng làm chủ đầu tư. Tổng giá trị hợp đồng 04 đã bao gồm thuế GTGT là 12.218.120.235đ(Mười hai tỷ, hai trăm mười tám triệu, một trăm hai mươi nghìn, hai trăm ba mươi lăm đồng).

Ngày 20/10/2016 nguyên đơn và bị đơn ký kết phụ lục bổ điều chỉnh số 01, theo đó hai bên điều chỉnh giá trị hợp đồng là: 11.105.913.418 đồng. Thực hiện hợp đồng 04, phía nguyên đơn đã hoàn thiện công việc theo đúng nộ dung thỏa thuận. Ngày 29/01/2015, nguyên đơn và bị đơn đã ký biên bản xác minh nhận khối lượng vật tư đã được lắp đặt hoàn thành, biên bản xác nhận tổng hợp giá trị khối lượng vật tư đã được lắp đặt hoàn thành.

Ngày 25/01/2019 đại diện chủ đầu tư và nhà thầu chính- Tổng công ty lắp máy Việt Nam đã ký kết hồ sơ thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành.

Để thực hiện báo cáo tài chính năm, ngày 17/02/2020, Công ty kiểm toán(AVA) đã gửi thư xác nhận số dư công nợ của bị đơn cho nguyên đơn, thư xác nhận nêu rõ đến thời điểm ngày 31/12/2019 phía bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc: 1.270.672.730đ. Kể từ thời điểm bị đơn có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền còn thiếu cho Nguyên đơn theo hợp đồng số 04 đến nay, nguyên đơn đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu nhưng bị đơn cố tình chây ỳ, không chịu trả nợ nhằm chiếm dụng vốn nên đã gây ra nhiều thiệt hại cho nguyên đơn.

Vậy, nguyên đơn làm đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn với tổng số tiền là: 1.636.904.979đ(Trong đó: Tiền gốc: 1.270.672.730đ, tiền lãi chậm trả tính từ ngày 25/01/2019 tạm tính đến ngày 30/3/2020 mức lãi suất 10%/ năm là 1.270.672.730đ x 10%/ năm x 614 ngày=

213.751.522đ; tiền phạt vi phạm hợp đồng(tương ứng 12% giá trị vi phạm): 1.270.672.730đ x 12%/ năm = 152.480.727đ).

Ý kiến trình bày của bị đơn: Tại bản tự khai ngày 04/12/2020 bà Hoàng Thị P trình bày:

Ngày 04/02/2014, công ty CP Lilama 5 ký kết hợp đồng kinh tế số:04; L-Hunter DVN với công ty TNHH Hunter Douglas V về việc cung cấp và hướng dẫn lắp đặt tấm nhôm hoàn thiện mái phẳng dự án nhà Quốc Hội.

Tại hợp đồng và phụ lục hợp đồng đã ký, tổng giá trị hợp đồng là: 11.105.913.418đ. Công ty CP Lilama 5 đã thanh toán cho công ty Hunter số tiền. 9.835.240.688đ. Tại hợp đồng số 04; L- Hunter DVN đã ký kết có quy định rõ về " Thời hạn thanh toán". Đến thời điểm hiện tại, L vẫn đang thực hiện thanh toán cho Công ty Hunter theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết giữa hai bên. Vì vậy, L đưa ra quan điểm giải quyết. L đề xuất phương án(theo nộ dung hợp đồng đã ký kết về thời hạn thanh toán): Sau khi hoàn tất công tác quyết toán dự án với chủ đầu tư và được chủ đầu tư thanh toán phần giá trị hợp đồng còn lại, L sẽ dùng nguồn tiền trên thanh toán trực tiếp số tiền còn lại theo nội dung hợp đồng và phụ lục đã ký kết cho công ty Hunter. Các bên cố gắng để cùng nhau giải quyết nội bộ, không để sự việc thêm phức tạp, đặc biệt liên quan đến Tòa án.

Tại buổi hòa giải ngày 27/01/2021 và biên bản hòa giải ngày 22/6/2021 các đương sự thỏa thuận với nhau được số tiền nợ gốc công ty CP L nợ của công ty TNHH Hunter Douglas V là 1.270.672.730đ . Phía bị đơn không chấp nhận mức lãi suất mà nguyên đơn đã đưa ra nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện bị đơn chấp nhận công ty CP L nợ của công ty TNHH Hunter Douglas V số tiền gốc chốt đến ngày 31/12/2019 là 1.270.672.730đ, còn tiền lãi chậm trả công ty CP L không đồng ý . Vì số tiền nợ gốc này chưa đến thời hạn thanh toán theo điều khoản 5.4 của hợp đồng. Sau khi thư xác nhận công nợ ký ngày 31/12/2019 , bản quyết toán hai bên chưa ký kết với nhau vì vậy chưa chốt số nợ, nên việc chậm thanh toán là không đúng, công ty CP L không đồng ý trả số tiền lãi chậm trả. Yêu cầu phía nguyên đơn bổ sung tài liệu chứng cứ biên bản thanh lý hợp đồng giữa công ty TNHH Hunter Douglas V và Công ty CP L.

Phía đại diện công ty TNHH Hunter Douglas V có đơn đề nghị xét xử vụ án vắng mặt tại phiên tòa vì lý do Thành phố Hà Nội đang thực hiện giãn cách xã hội theo chỉ thị 16 của TTCP nên không thể tham gia phiên tòa được. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228/Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đại diện phía nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc P.

Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị HĐXX:

- Buộc công ty CP L phải trả số tiền gốc là: 1.270.672.730đ(Một tỷ, hai trăm bảy mươi triệu, sáu trăm bảy mươi hai ngàn, bảy trăm ba mươi đồng).

- Công ty CP TNHH Hunter Douglas V có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần lãi phạt vi phạm 1.270.672.730đ x 12%/ năm = 152.480.727đ và phần lãi chậm trả trên số nợ gốc tính từ ngày 25/01/2019 tính đến ngày xét xử.

Đại diện VKSND thị xã B phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và đề nghị HĐXX:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 70, khoản 2 Điều 71, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điểm g khoản 1 Điều 76, Điều 123, Điểm c khoản 2 Điều 140, Điều 144 Luật xây dựng.
- Điều 280, 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Khoản 2 Điều 26 NQ 326/2016 củ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Đề nghị: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Hunter Douglas V buộc công ty CP L phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc: 1.270.672.730đ(Một tỷ, hai trăm bảy mươi triệu, sáu trăm bảy hai nghìn bảy trăm ba mươi đồng).

Đình chỉ phần yêu cầu bồi thường khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng với số tiền: 152.480.727đ và lãi suất của khoản nợ gốc: 1.270.672.730đ(Một tỷ, hai trăm bảy mươi triệu, sáu trăm bảy hai nghìn, bảy trăm ba mươi đồng).

Kể từ ngày 15/9/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc Công ty CP L phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 BLDS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa , HĐXX nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật: Công ty TNHH Hunter Douglas Vi đề nghị Tòa án nhân dân thị xã B giải quyết buộc công ty CP L phải thanh toán cho công ty TNHH Hunter Douglas V số tiền gốc và lãi suất tính đến ngày xét xử . Đây là quan hệ pháp luật " Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ thanh toán" Bị địa chỉ tại phường Ba Đình, thị xã B, vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B theo quy định tại quy ®Þnh t¹i Kho¶n 1 §iÒu 30, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự;

[2] Xét về yêu cầu của các đương sự:

- Về khoản nợ: Hai bên đã có thư xác nhận số dư công nợ và tại phiên tòa bị đơn công nhận nợ của Công ty TNHH Hunter Douglas V số tiền nợ gốc chốt đến ngày 31/12/2019 là: 1.270.672.730đ(Một tỷ, hai trăm bảy mươi triệu, sáu trăm bảy hai nghìn bảy trăm ba mươi đồng) nên có cơ sở chấp nhận.

- Về khoản lãi suất: Phía bị đơn không chấp nhận khoản tiền lãi vì số tiền nợ gốc này chưa đến thời hạn thanh toán và cho rằng theo điều khoản 5.4 của hợp đồng quy định thời hạn thanh toán " *Bên A sẽ thanh thoán cho Nhà thầu trong vòng 10 ngày làm việc, kể từ ngày bên A nhận được hồ sơ thah toán hợp lệ của Nhà thầu và bên A nhận được tiền tạm ứng, thanh toán của chủ đầu tư"*. Theo điều khoản thanh toán của hợp đồng L khẳng định thời hạn thanh toán của L với công ty Hunter đang thực hiện đúng theo quy định của hợp đồng đã ký kết giữa 2 bên. Đến nay L chưa nhận được báo cáo kiểm toán Nhà nước và hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành chưa được chủ đầu tư phê duyệt. Theo hồ sơ thanh toán đợt 15, chủ đầu tư mới thanh toán cho Lilama số tiền 46.895.972.388đ trên tổng giá thực hiện là 52.548.524.956đ tương ứng 89,2%. Chưa có xác nhận hoàn thành công tác bảo hành. Công ty CP L khẳng định phía công ty L và công ty TNHH Hunter Douglas V chưa quyết toán và chưa nghiệm thu công nợ do vậy hai bên chưa xác định được công nợ cuối cùng phải trả. L mới được Lilama tổng thanh toán 90% giá trị hoàn thành nên theo điều khoản của hợp đồng Lilama 5 sẽ thanh toán cho công ty TNHH Hunter Douglas số tiền còn phải trả quyết toán hợp đồng và nhận được tiền thanh toán từ Lilama tổng. Số liệu công ty Kiểm toán gửi cho L xác nhận số

dư công nợ là để hỗ trợ Công ty TNHH Hunter Douglas V thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm không có giá trị thanh toán. Như vậy, đại diện công ty CP L cho rằng số tiền gốc công ty chưa đến hạn thanh toán vì chưa quyết toán kiểm toán nên không đồng ý trả tiền lãi cho công ty TNHH Hunter Douglas V. Yêu cầu phía nguyên đơn cung cấp cho HĐXX biên bản quyết toán nghiệm thu công nợ và bản thanh lý hợp đồng ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn không có mặt nhưng có văn bản gửi cho Tòa án xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần lãi phạt vi phạm 1.270.672.730đ x 12%/ năm = 152.480.727đ và phần lãi chậm trả tính từ ngày 25/01/2019 tính đến ngày xét xử nên Hội đồng xét xử miễn xét.

* Về án phí: Công ty CP L phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Công ty TNHH Hunter Douglas V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh T.

Bởi những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 70, khoản 2 Điều 71, khoản 3 Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 123, Điểm c khoản 2 Điều 140, Điều 144 Luật xây dựng.
- Điều 280, 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Điều 6, khoản 2 Điều 26 NQ 326/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án và điểm d tiểu mục 1.4 mục 1 phần II danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo.

**** Tuyên xử:***

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc rút một phần lãi phạt vi phạm 1.270.672.730đ x 12%/ năm = 152.480.727đ và phần lãi chậm trả tính từ ngày 25/01/2019 tính đến ngày xét xử.
- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của công ty TNHH Douglas V.

Buộc Công ty CP L có trách nhiệm thanh toán cho công ty TNHH Douglas V số tiền gốc 1.270.672.730đ(Một tỷ, hai trăm bảy mươi triệu, sáu trăm bảy hai ngàn, bảy trăm ba mươi đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, công ty TNHH Douglas V có đơn đề nghị thi hành án, nếu Công ty CP L không thanh toán số tiền gốc nêu trên thì hàng tháng Công ty CP L phải chịu thêm khoản lãi suất do Ngân hàng quy định tương ứng với số tiền gốc chậm trả và thời gian chưa thi hành án(Theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự).

*** Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:**

Công ty CP L phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 50.120.182đ(Năm mươi triệu, một trăm hai mươi ngàn, một trăm tám hai đồng).

Trả lại cho công ty TNHH Douglas V số tiền tạm ứng án phí là: 30.553.574 đã nộp tại cơ quan thi hành án theo biên lai thu tiền số:AA /2019/0000319 ngày 05/11/2020 của chi cục thi hành án dân sự thị xã B.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt đại diện nguyên đơn, có mặt đại diện bị đơn

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án(14/9/2021). Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết theo qui định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, ngươi phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại điều 6,7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND Thị xã B;*
- *Đương sự;*
- *THA Dân sự TX B;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TỐNG THỊ HÀ